

Số: 04/2024/QĐST-DS

Thành phố L, ngày 04 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số **03/2023/TLST-DS** ngày 09 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *NguY đơn*: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1938

Địa chỉ: tổ 5, phường T, thành phố L, tỉnh L

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn Tân UY, huyện Tân UY, tỉnh L

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 15, phường T, thành phố L, tỉnh L.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguY đơn bà Svà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Y*:

Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 2 phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà S và ông Phạm Đình Y có tài sản chung là thửa đất số 49 tờ bản đồ 102, diện tích là 105 m², tại địa chỉ tổ 5 phường T, thành phố L, tỉnh L, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 276361 do UBND thành phố L, tỉnh L cấp ngày 06/3/2017. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 tổng diện tích xây dựng 80 m² gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ. Trị giá tài sản nhà và đất 850.000.000 đồng. Hiện do bà S đang quản lý, sử dụng. Bà S và ông Y mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản nhà và đất là 425.000.000 đồng.

Di sản thừa kế của ông Y để lại là ½ giá trị tài sản nhà và đất là 425.000.000 đồng. Bà S, ông N, bà Y mỗi người được hưởng 1/3 di sản thừa kế của ông Y là 141.666.666 đồng.

Bà S, bà Y và ông N thoả thuận:

+ Bà S tự nguyện tặng cho bà Y 1/3 di sản thừa kế mà bà S được hưởng từ ông Y và ½ giá trị tài sản chung đối với thửa đất số 49 tờ bản đồ 102, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 276361 tại địa chỉ tổ 5 phường T, thành phố L, tỉnh L, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 276361 do UBND thành phố L, tỉnh L cấp ngày 06/3/2017. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 tổng diện tích xây dựng 80 m² gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, đồng thời bà Y phải trông nom chăm sóc bà Skhi ốm đau, sau khi bà S chết lo mai táng và thờ cúng bà S, ông Y.

+ Bà Phạm Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn N phần di sản thừa kế mà ông N được hưởng từ ông Y số tiền là 170.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*).

Thời điểm thanh toán: Ngày 05/7/2024, Bà Phạm Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn N số tiền 170.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*).

Phương thức thanh toán: Trả một lần bằng tiền mặt vào ngày 05/7/2024.

+ Bà Phạm Thị Y được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 49 tờ bản đồ 102, diện tích là 105 m², tại địa chỉ tổ 5 phường T, thành phố L, tỉnh L, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 276361 do UBND thành phố L, tỉnh L cấp ngày 06/3/2017. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 tổng diện tích xây dựng 80 m² gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ.

Bà Y có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 49 tờ bản đồ 102, diện tích là 105 m², tại địa chỉ tổ 5 phường T, thành phố L, tỉnh L theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà Phạm Thị Y vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả tiền nào theo thoả thuận, thì ông Phạm Văn N có quyền làm đơn gửi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bà Phạm Thị Y thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả tiền còn nợ lại tính đến thời điểm bà Y vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chưa thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Sự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tổng số tiền là 15.000.000 đồng, bà S đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người đại diện theo uỷ quyền;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga